

Bản án số: 132/2021/HS-ST

Ngày 21-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Xệt

Bà Võ Thị Hồng Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Kim Minh T, sinh năm 1988, tại Cà Mau; địa chỉ thường trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Văn H và bà Huỳnh Thị L; có vợ là Tạ Hằng M, có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; (có mặt)

- Bị hại: Công ty C.

Địa chỉ: Tòa nhà VTV, số 8 đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/01/2021). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà Hồ Mỹ K. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kim Minh T là nhân viên của Công ty C (sau đây viết tắt là Công ty) và làm việc tại kho Tân Uyên thuộc Chi nhánh Công ty C có địa chỉ: khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. T được Công ty phân công làm nhiệm vụ giao hàng lưu động và nhận tiền thu hộ (còn gọi là Ship COD). Hàng ngày, T nhận các đơn hàng từ nhân viên điều phối kho mang đi giao cho khách hàng và thu lại từ khách hàng số tiền có ghi trên từng đơn hàng, đến cuối ca làm việc, T phải mang toàn bộ số tiền thu hộ và các đơn hàng chưa giao được về kho giao lại cho nhân viên điều phối kho để thống kê, kiểm tra; mỗi đơn hàng giao được cho khách thì T được hưởng tiền công là 9.000 đồng.

Khi làm việc tại Công ty thì mỗi nhân viên giao hàng được Công ty tải về trên điện thoại di động của cá nhân 01 ứng dụng (App) giao hàng của Công ty. Ứng dụng giao hàng này có chức năng kiểm tra số điện thoại khách hàng, giá trị đơn hàng kèm hình ảnh và số lượng đơn hàng được xuất giao trong ứng dụng. Trong ứng dụng có 03 trạng thái để kiểm soát việc giao mỗi đơn hàng gồm “Hoàn thành”, “Delay” (nghĩa là chưa giao được) và “Hủy”. Vào mỗi buổi sáng, nhân viên giao hàng sẽ đến kho hàng gặp nhân viên điều phối kho của Công ty, lúc đó nhân viên điều phối kho sẽ xuất đơn hàng theo mã vạch được dán sẵn trong đơn hàng; trước khi giao các đơn hàng cho nhân viên giao hàng thì mỗi đơn hàng sẽ được nhân viên điều phối kho quét mã vạch trên ứng dụng giao hàng nêu trên. Sau khi quét mã vạch thì thông tin đơn hàng và nhân viên giao hàng nhận đơn hàng đó sẽ được truyền tải về ứng dụng (App) giao hàng của điều phối kho trong máy vi tính tại kho của Công ty. Nhờ đó thông tin được lưu trữ xác nhận nhân viên giao hàng nào đã được nhận các đơn hàng mang đi giao cho khách do mỗi nhân viên giao hàng đều có mã riêng (mã nhân viên của T là “tankm”). Sau khi nhân viên giao hàng nhận được các đơn hàng mang đi giao cho khách, nếu đơn hàng nào đã được giao thì nhân viên giao hàng sẽ thu tiền theo giá trị đơn hàng đó và sẽ nhấn thao tác trạng thái “Hoàn thành” trên ứng dụng giao hàng trong điện thoại cá nhân của nhân viên đó; lúc đó ứng dụng trên máy vi tính tại kho của Công ty cũng tự động cập nhật trạng thái “Hoàn thành” của đơn hàng đó và lưu trữ trên máy vi tính. Đến cuối ngày khoảng 18 giờ 30, nếu đơn hàng nào chưa giao được cho khách thì sẽ được mang về kho và nhấn trạng thái “Delay” trên ứng dụng giao hàng trong điện thoại (cũng tự động cập nhật vào máy vi tính) và hàng đó sẽ được giao lại cho nhân viên điều phối kho, khi đó nhân viên điều phối kho sẽ dùng máy quét mã vạch dán trên hàng để kiểm tra rồi cất vào trong kho để sáng ngày hôm sau đưa cho nhân viên giao hàng đó tiếp tục mang đi giao cho khách. Vào cuối ngày thì số tiền của mỗi đơn hàng “Hoàn thành” sẽ được nhân viên giao hàng đưa lại cho nhân viên điều phối kho. Số tiền đó sẽ được nộp vào tài khoản của Công ty và hoàn ứng lại cho các Shop bán hàng online có đơn hàng đó.

Quá trình làm việc tại Công ty, T nhận thấy có sơ hở trong quá trình giao hàng, cụ thể: Khi số hàng chưa giao được cho khách phải mang trả về kho và nhấn trạng thái “Delay” đợi lúc khác giao; lúc mang hàng về trả thì nhân viên điều phối kho chỉ kiểm tra bằng mã vạch chứ không kiểm tra đặc điểm bên trong gói hàng. Từ đó, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền thu về khi giao được hàng cho khách bằng cách khi giao 01 đơn hàng cho khách thành công và nhận được tiền, T giữ lại mã vạch đơn hàng đã giao được dán trên gói hàng. Sau đó, T mua

các hộp giấy có kích thước tương tự đơn hàng đã giao rồi lấy đất, đá, đồ cũ... bỏ vào hộp giấy và gói lại rồi dán mã vạch cũ của đơn hàng đã giao lên gói hàng giả đó, sau đó mang về Công ty và nói với nhân viên điều phối kho đơn hàng đó chưa giao được (trạng thái “Delay”), T sử dụng thủ đoạn này để nhiều lần chiếm đoạt tiền giao hàng của Công ty cụ thể: Từ ngày 13/8/2020 đến ngày 17/8/2020, T chiếm đoạt tiền của 41 đơn hàng mà khách hàng đã trả cho Công ty với tổng số tiền 41.322.000 đồng; trong đó có: 03 đơn hàng trên hai triệu đồng, 38 đơn hàng dưới hai triệu đồng.

Ngày 18/8/2020, bà Hồ Mỹ K là nhân viên điều phối kho Tân Uyên thuộc Chi nhánh Công ty C nhận được khiếu nại của các Shop bán hàng online trong ứng dụng giao hàng là các đơn hàng đã được giao cho khách hàng nhưng tiền giao hàng vẫn chưa hoàn ứng về cho Công ty. Bà K tiến hành kiểm tra các mã vạch các đơn hàng bị khiếu nại nêu trên thì thấy trạng thái “Delay” nhưng thực chất hàng đó đã được giao rồi. Bà Khang kiểm tra thì phát hiện nhân viên giao các đơn hàng đó là T. Nghi ngờ T chiếm đoạt số tiền giao hàng nên bà K gọi điện thoại cho T yêu cầu về kho để đối chiếu số liệu hàng hóa đã giao cho khách. Lúc này, T khai nhận sử dụng thủ đoạn gian dối nêu trên để chiếm đoạt tiền của Công ty, những gói hàng mà T bấm trạng thái “Delay” bên trong đều là đất, đá, đồ cũ... được T gói lại và sử dụng mã đơn hàng cũ đã giao nhằm mục đích che giấu để nhân viên điều phối kho không biết. Sau đó, T được cho nghỉ việc, bà Khang kiểm tra dữ liệu giao hàng thì phát hiện có 41 đơn hàng nêu trên được T giao cho khách nhưng T lại ấn trạng thái “Delay” nhằm mục đích chiếm đoạt tiền giao hàng của Công ty. Qua đối chiếu tại dữ liệu lưu trữ của Công ty thì tổng số tiền của 41 đơn hàng mà T chiếm đoạt khi giao hàng cho khách là 41.322.000 đồng.

Ngày 10/9/2020, ông Nguyễn Trọng C là đại diện theo ủy quyền của Công ty đến Công an phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên trình báo sự việc. Công an phường Khánh Bình đã mời T đến làm việc và T đã khai nhận hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty. Sau đó, Công an phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công ty C yêu cầu Kim Minh T bồi thường số tiền 41.322.000 đồng. T đã bồi thường số tiền 41.322.000 đồng, Công ty không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 176/CT-VKS.TU ngày 06 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Kim Minh T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Kim Minh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kim Minh T mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền 41.322.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của những người tham gia tố tụng: Bị hại đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người làm chứng vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng không mâu thuẫn với nhau và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị hại cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 13/8/2020 đến 17/8/2020, tại khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Kim Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Công ty C 41 lần với tổng số tiền 41.322.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, tham lam nên đã cố ý phạm tội. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, trong đó có 03 lần trên 2.000.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội

02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Kim Minh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Kim Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Kim Minh T phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung